|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

**BÀI 20: CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ TỨ GIÁC ĐÃ HỌC**

Thời gian thực hiện: (03 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

- Hiểu cách tính chu vi và diện tích của một số tứ giác.

- Nhớ được công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học

- Vận dụng các công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học để giải quyết một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu, nhận biết cách tính chu vi và diện tích của một số tứ giác.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để hình thành cách tính chu vi và diện tích của một số tứ giác, vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập về tính chu vi và diện tích của một số tứ giác, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** GV thiết kế tình huống thực tế gợi động cơ học tập và tạo hứng thú cho học sinh.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu

**c) Sản phẩm:** HS nhận thức được sự cần thiết của việc tính chu vi và diện tích các hình để giải quyết các vấn đề trong đời sống thực tế.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu **(**GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm bàn)  Nhà em cần ốp gạch cho một bức tường hình chữ nhật có chiều dài 5m, chiều rộng 4m. Loại gạch ốp tường được sử dụng là gạch hình vuông có cạnh là 40cm. Bố em chưa biết phải mua bao nhiêu viên gạch để ốp bức tường đó (coi mạch vữa không đáng kể). Em hãy tính giúp bố nhé!  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hs chú ý quan sát và lắng nghe, thảo luận tìm ra hướng giải bài toán.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên báo cáo kết quả, nêu hướng giải.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa kết quả của học sinh  - GV đặt vấn đề vào bài mới: trong nông nghiệp, xây dựng người ta có thể cần sử dụng kiến thức về chu vi, diện tích các hình chữ nhật, hình vuông, hình thoi, hình thang cân để tính toán vật liệu trong các công việc như căng lưới che nắng cho rau, làm hang rào bao quanh khu vườn,…hay lát nền nhà, sơn tường, tạo khung thép. Bài này sẽ giúp em tìm hiểu cách vận dụng công thức tính diện tích, chu vi của các hình tứ giác đã học vào các bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản. | Diện tích bức tường cần ốp gạch là:    Diện tích của một viên gạch hình vuông cạnh 40cm là:    Số viên gạch bố cần dùng là:  (viên) |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (20 phút)**

**Hoạt động 2.1: Chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật, hình thang (20 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Biết công thức tính diện tích, chu vi hình vuông, hình chữ nhật, hình thang

- Áp dụng công thức vào bài tập ở mức độ đơn giản

**b) Nội dung:**

- Học sinh quan sát trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của giáo viên.

**c) Sản phẩm:**

- Học sinh nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần ví dụ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV cho HS nhắc lại công thức tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang như trong *Hộp kiến thức*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  + HS lắng nghe và trả lời theo yêu cầu của GV  **\* Báo cáo thảo luận 1**  + HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày.  \* **Kết luận, nhận định 1:**  GV nhắc lại cho học sinh các công thức tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang | 1. Chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật, hình thang  a) Công thức tính chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật, hình thang  - Hình vuông :    - Hình chữ nhật :    - Hình thang : |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV cho HS tìm hiểu đề bài, giới thiệu cách tính *Ví dụ 1, ví dụ 2*  - Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 1 SGK trang 96.  - Hoạt động theo cặp làm ví dụ 2 SGK trang 96.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu 1HS lên bảng làm Ví dụ 1.  Hướng dẫn, hỗ trợ: Muốn biết được siêu thị cần bao nhiêu tiền để mua đèn ta cần phải tính được độ dài viền của biển quảng cáo hay chính là chu vi của biển quảng cáo hình chữ nhật.  - GV yêu cầu 1HS của cặp đôi nhanh nhất lên làm ví dụ 2.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng ví dụ.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.  - Từ các ví dụ, GV nhấn mạnh, vừa khắc sâu kiến thức, vừa cung cấp cách trình bày cho HS | **b) Các ví dụ**  Ví dụ 1 :  Giải :  Chu vi của biển quảng cáo hình chữ nhật là :    Vậy siêu thị cần chi số tiền mua đèn là :  (đồng)  Ví dụ 2 :  Giải :  Diện tích nền của căn phòng hình chữ nhật là :    Diện tích của 1 viên gạch hình vuông cạnh 40cm là :    Số viên gạch bác Khôi cần dùng là :  (viên) |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (18 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức vào bài tập thực tế và phát triển tư duy từ bài toán thực tế.

- Tăng hứng thú, tạo cơ hội cho HS tham gia thử thách phát triển tư duy.

**b) Nội dung:**

- Học sinh quan sát trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của giáo viên.

**c) Sản phẩm:**

- Học sinh nắm vững kiến thức và hoàn thành được luyện tập và thử thách nhỏ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - GV tổ chức hoạt động cho HS thực hiện hoàn thành *Luyện tập 1*  Bài 1: Hoạt động cá nhân.  Bài 2: Hoạt động nhóm bàn.  Bài 3: HS thực hiện nhóm 6 bằng kỹ thuật khăn trải bàn.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3 :**  - HS thực hiện các nhiệm vụ trên yêu cầu của giáo viên  Bài 1: Hướng dẫn hỗ trợ: GV cần giải thích cho HS hiểu về tác dụng của khung thép trong việc làm đai của cột bê tông cốt thép. Muốn tính được số khung thép làm được từ 260m dây thép thì ta phải tính được 1 khung thép cần bao nhiêu m dây thép.Từ việc tính chu vi của 1 khung thép, HS tính được số khung thép làm được 200 khung.  Bài 2: Hướng dẫn hỗ trợ: Muốn tính được số m thép cần dùng ta phải tính các đại lượng nào?  (Chu vi của mặt bàn, chiều dài 4 chân bàn)  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 1 HS lên trình bày bài 1.  - Bài 2 cho các HS đổi chéo giữa các bàn chấm kết quả cho nhau. Sau đó GV thu bài của các nhóm về chấm lại và trả cho HS ở tiết học sau.  - Bài 3: Các nhóm treo bảng phụ sản phẩm của nhóm mình, các nhóm khác quan sát và đánh giá.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả. | **c) Luyện tập**  Bài 1. Giải :  Chu vi của khung thép đó là :    Vậy số khung thép làm được từ 260m dây thép là :    Bài 2. Giải :  Chu vi mặt bàn là :    Chiều dài 4 chân bàn là :    Vậy để làm 1 chiếc khung bàn cần lượng thép :    Bài 3. Giải :  Diện tích thửa ruộng hình thang là :    Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là :    Diện tích thửa ruộng đó là :    Vậy số thóc thu hoạch được là : |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  - GV tổ chức hoạt động cho HS thực hiện hoàn thành *“Thử thách nhỏ”*  Hoạt động cá nhân. Ai làm nhanh nhất sẽ lên bảng trình bày, đúng sẽ có phần thưởng.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4 :**  - HS thực hiện các nhiệm vụ trên yêu cầu của giáo viên  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV yêu cầu 1 HS lên trình bày .  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV đánh giá kết quả của HS, chính xác hóa kết quả. | **d) Thử thách nhỏ :**  Độ dài phần hình thang cân là :    Phần còn lại làm móc treo có độ dài là : |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà (2 phút)**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: Công thức tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang.

- Làm các bài tập 4.16 và 4.17(SGK-100)

- Chia lớp thành 3 nhóm: Nhóm hình vuông, nhóm hình chữ nhật và nhóm hình thang. Nhiệm vụ của mỗi nhóm là vẽ hình, viết công thức tính chu vi, diện tích và tự lấy ví dụ cụ thể trong thực tế áp dụng tính toán cho hình nhóm mình.

**……………………………………………………………………………………………….**

**Tiết 2**

**Hoạt động 1: Mở đầu** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** HS nhớ lại được các kiến thức về chu vi, diện tích các hình đã học và biết ứng dụng trong thực tế.

**b) Nội dung:** Công thức tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang và tự lấy ví dụ cụ thể để tính toán.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu các nhóm HS lần lượt trình bày các kiến thức đã tìm hiểu lại về hình vuông, hình chữ nhật, hình thang (nhiệm vụ đã giao từ tiết trước: - Chia lớp thành 3 nhóm: Nhóm hình vuông, nhóm hình chữ nhật và nhóm hình thang. Nhiệm vụ của mỗi nhóm là vẽ hình, viết công thức tính chu vi, diện tích và tự lấy ví dụ cụ thể thực tế áp dụng tính toán cho hình nhóm mình).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  **-** Quan sát lắng nghe các nhóm thuyết trình về sản phẩm của nhóm mình  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Đại điện nhóm trình bày kiến thức nhóm mình phụ trách.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các nhóm và dẫn dắt HS vào bài mới: “ Ở tiểu học, chúng ta đã biết cách tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang. Ngoài các hình trên, chúng ta còn học về hình bình hành và hình thoi. Vậy công thức tính chu vi, diện tích của nó như thế nào và ứng dụng trong thực tế ra sao, chúng ta cùng tìm hiểu?” | - Sản phẩm của các nhóm. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (23 phút)**

**Hoạt động 2.1: Chu vi của hình bình hành, hình thoi** (8 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Giới thiệu cách tính chu vi hình bình hành, hình thoi.

- Áp dụng công thức tính chu vi hình bình hành, hình thoi vào bài toán thực tế

**b) Nội dung:**

- Học sinh quan sát trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của giáo viên.

**c) Sản phẩm:**

- Học sinh nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần ví dụ, luyện tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Từ công thức tính chu vi hình vuông, hình chữ nhật, hình thang cân ta thấy chu vi của tứ giác là tổng độ dài 4 cạnh của tứ giác. Vậy em hãy đưa ra công thức tính chu vi của hình bình hành và hình thoi?  - HS thảo luận theo nhóm bàn.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  + HS lắng nghe và trả lời theo yêu cầu của GV  **\* Báo cáo thảo luận 1**  + HS giơ tay phát biểu, trả lời câu hỏi.  \* **Kết luận, nhận định 1:**  GV nhắc lại cho học sinh các công thức tính chu vi hình bình hành, hình thoi. | 2. Chu vi, diện tích hình bình hành, hình thoi.  a) Chu vi:  + Hình bình hành:      + Hình thoi: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV cho HS tìm hiểu đề bài, làm ví dụ 3, ví dụ 4 SGK trang 98.  - Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 3 SGK trang 98.  - GV giải thích, giới thiệu về ô thoáng.    - Hoạt động theo nhóm bằng kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật vảy cá làm ví dụ 4 SGK trang 98.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ ví dụ 4:  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng làm Ví dụ 3.  - GV mời 2 nhóm lên thuyết trình bài làm của nhóm mình (mời 1 bài tốt và 1 bài chưa tốt).  - Cả lớp quan sát, nhận xét từng ví dụ.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.  - Từ các ví dụ, GV nhấn mạnh, vừa khắc sâu kiến thức, vừa cung cấp cách trình bày cho HS | **b) Các ví dụ**  ***Ví dụ 3:***  Giải :  Chu vi của hình bình hành là :    ***Ví dụ 4:***  Giải :  Chu vi của hình chữ nhật là:  2. (60 + 160) = 440 (cm)  Chu vi của một hình thoi là:  4. 50 = 200 (cm)  Độ dài thép để làm một ô thoáng là:  440 + 2. 200 = 840 (cm) = 8,4 (m)  Độ dài thép để làm bốn ô thoáng là:  4 . 8,4 = 33,6 (m) |

**Hoạt động 2.2: Diện tích của hình bình hành, hình thoi** (15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Xây dựng cách tính diện tích hình bình hành, hình thoi.

- Áp dụng công thức tính diện tích hình bình hành, hình thoi vào bài toán thực tế

**b) Nội dung:**

- Học sinh quan sát trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của giáo viên.

**c) Sản phẩm:**

- Học sinh nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần ví dụ, luyện tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - HS hoạt động theo nhóm bàn tổ 1 + tổ 2:  + **HĐ1:** Vẽ hình bình hành trên giấy kẻ ô vuông rồi cắt, ghép thành hình chữ nhật.    **+ HĐ2:** Hãy so sánh độ dài cạnh, chiều cao tương ứng của hình bình hành với chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật. Từ đó so sánh diện tích hình bình hành với diện tích hình chữ nhật.  - HS hoạt động theo nhóm bàn tổ 3 + tổ 4:  + **HĐ1:** Vẽ hình bình hành trên giấy kẻ ô vuông rồi cắt, ghép thành hình chữ nhật.    **+ HĐ2:** Hãy so sánh độ dài cạnh, chiều cao tương ứng của hình thoi với chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật. Từ đó so sánh diện tích hình thoi với diện tích hình chữ nhật.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3 :**  - HS thực hiện các nhiệm vụ trên yêu cầu của giáo viên  \* Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát HS cắt giấy và hỗ trợ khi cần.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 2 nhóm lên trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình.  - HS quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả. | **c) Diện tích hình bình hành**  **- HĐ1:** HS thực hiện vẽ, cắt, ghép.  **- HĐ2:** Độ dài cạnh, chiều cao tương ứng của hình bình hành bằng chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật.  Suy ra: Diện tích hình bình hành bằng diện tích hình chữ nhật :    (a là cạnh, h là chiều cao tương ứng)  **d) Diện tích hình thoi**  **- HĐ1:** HS thực hiện vẽ, cắt, ghép.  **- HĐ2:** Một đường chéo bằng chiều rộng của hình chữ nhật, đường chéo còn lại bằng một nửa chiều dài hình chữ nhật.  Suy ra: Diện tích hình thoi bằng một nửa diện tích hình chữ nhật :    ( là độ dài hai đường chéo của hình thoi). |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (15 phút)

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua bài tập và thực hành thực tế.

**b) Nội dung**: HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT và thực hành thực tế.

**c) Sản phẩm**: Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  **-** Hoạt động cá nhânlàm ví dụ 5 SGK trang 99  - ***K – G:*** Hoạt động nhóm 6 làm luyện tập 2 SGK trang 99.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4 :**  - HS thực hiện các nhiệm vụ trên yêu cầu của giáo viên.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV yêu cầu HS lên trình bày và thuyết trình bài làm.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV đánh giá kết quả của HS, chính xác hóa kết quả. | **Ví dụ 5:**  Mảnh gỗ là hình bình hành có chiều cao 20cm và độ dài cạnh tương ứng là 30cm nên có diện tích là:    **Luyện tập 2:**    Dễ thấy trong hình bình hành AMCN, chiều cao tương ứng với cạnh AN là MN và MN = AB = 10 m.  Do đó diện tích hình bình hành AMCN là:    Diện tích hình chữ nhật ABCD là:    Phần diện tích còn lại trồng cỏ là:    Vậy số tiền cần để chi trả trồng hoa và trồng cỏ là:  (đồng) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 5:**  **-** Hoạt động cá nhânlàm ví dụ 6 SGK trang 100  - ***K – G:*** Hoạt động nhóm 6 (đảo nhóm) làm luyện tập 3 SGK trang 100.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5 :**  - HS thực hiện các nhiệm vụ trên yêu cầu của giáo viên.  **\* Báo cáo, thảo luận 5:**  - GV yêu cầu HS lên trình bày và thuyết trình bài làm.  **\* Kết luận, nhận định 5:**  - GV đánh giá kết quả của HS, chính xác hóa kết quả. | **Ví dụ 6:**  Diện tích hình thoi là:    **Luyện tập 3:**    Dễ thấy độ dài hai đường chéo của hình thoi là chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật.  Do đó diện tích hình thoi là:    Vậy số lượng hoa cần trồng trên mảnh đất đó là:  20 . 4 = 80 (cây) |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: Công thức tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang, hình bình hành, hình thoi.

- Làm các bài tập 4.18 và 4.19(SGK-100)

**……………………………………………………………………………………………….**

**Tiết 3**

**Hoạt động 1: Mở đầu** (7 phút)

**a) Mục tiêu:** Hệ thống lại toàn bộ công thức tính chi vi, diện tích của các hình tứ giác đã học.

**b) Nội dung:** HS tham gia trò chơi để chiếm lĩnh tri thức.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức đã học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV tổ chức trò chơi “ai nhanh hơn”:  + GV chia lớp thành 2 đội chơi, mỗi đội cử 5 HS: + Nhiệm vụ của mỗi đội là từng thành viên sẽ nhặt về đội mình những mảnh nội dung tương ứng với chu vi, diện tích các hình. Sau đó mỗi đội cử 1 thành viên đại diện trình bày những nội dung của đội mình.  + Các đội sẽ chấm điểm cho đội bạn theo phiếu chấm có sẵn.  - Các mảnh nội dung là các hình vẽ các hình tứ giác, công thức tính chu vi, diện tích các hình được sắp xếp hỗn độn.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS lắng nghe và nắm vững luật chơi  - HS lên chơi, chinh phục kiến thức.  - HS còn lại quan sát, nhớ lại kiến thức và phối hợp chấm điểm đội bạn.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV điều khiển trò chơi.  - Các đội trình bày kiến thức liên quan đội mình; các bạn còn lại nhận xét, bổ sung.  - Các đội công bố điểm nhóm mình nhận được.  - **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chốt lại các công thức tính chu vi, diện tích các hình tứ giác. | **1. Lí thuyết**  a) Hình vuông      b) Hình chữ nhật:      c) Hình thang:      d) Hình bình hành:      e) Hình thoi |

**Hoạt động 2: Luyện tập** (35 phút)

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng được công thức tính chu vi, diện tích các hình tứ giác để làm được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập từ 4.20 đến 4.22 SGK trang 100.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập từ 4.20 đến 4.22 SGK trang 100.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động nhóm 6 theo kĩ thuật khăn trải bàn làm bài tập 4.20 SGK trang 100.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Đại diện nhóm trình bày lại lời giải.  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khắc sâu kiến thức về tính diện tích các hình. | **Bài 4.20 (SGK/100)**  Diện tích phòng khách là:    Diện tích phòng ăn và bếp là:    Diện tích hành lang là:    Diện tích WC là:    Diện tích mặt sàn là: |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Làm bài tập 4.21 SGK trang 100  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: tính đường cao của hình thang thông qua diện tích hình chữ nhật, GV làm mẫu chi tiết hơn nếu cần.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 1 HS K – G lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS, lưu ý HS có thể trình bày ngắn gọn. | **Bài 4.21 (SGK/100)**  Ta có:    Diện tích mảnh đất hình thang là: |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 4:**  - Làm bài tập 4.22 SGK trang 100 theo cặp (3 phút).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS đọc, tóm tắt đề bài và làm bài theo cặp.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: muốn tính số viên gạch cần mua ta làm thế nào?  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm có lời giải khác nhau lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Bài 4.22 (SGK/100)**  Diện tích căn phòng là:    Diện tích một viên gạch là:    Số viên gạch cần mua là: |

**Hoạt động 3: Vận dụng** (3 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức về đặc điểm các hình để giải quyết bài toán dựa trên hoạt động mở đầu.

**b) Nội dung:** Tính chu vi, diện tích vườn rau và tính số cọc cần để bao quanh vườn rau của lớp và làm cọc bao vườn rau.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**⏩ Giao nhiệm vụ 1:**

**-** Chuẩn bị thước dây để đo kích thước vườn rau.

- Chuẩn bị cọc tre (Sau khi tính được số cọc cần có, chia nhiệm vụ tương ứng mỗi tổ chuẩn bị bao nhiêu thanh tre)

**⏩ Giao nhiệm vụ 2 :**

**-** Rào vườn rau của lớp đảm bảo đúng khoảng cách và thẩm mĩ.